

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày : 30/3/ 2021
Về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung
và giải quyết nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Ông Xa Kỳ Tiến
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Trọng Huệ và bà Phạm Thị Dân
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Đào Thị Thanh Huyền
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà:* Ông Đinh Trọng Kiên - *Kiểm sát viên.*

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đà Bắc.

Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 102/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2020 về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và giải quyết nợ chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Xa Thị Tr, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm Ch, xã TP, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm Ch, xã TP, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Hòa Bình - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đà Bắc, do ông Nguyễn Bình Nam - Giám đốc làm đại diện theo pháp luật. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn thì: Chị Xa Thị Tr và anh Hà Văn D kết hôn với nhau năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình, hôn nhân do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị có quãng thời gian khoảng 6 năm sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau. Sau quãng thời gian đó thì anh D có nảy sinh tình cảm với người khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn cãi vã nhau. Chị Tr bỏ về nhà bố mẹ để sống ly thân từ năm 2019, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên chị Tr làm đơn yêu cầu được ly hôn anh D.

Về con cái: Vợ chồng chị Tr, anh D có hai con chung là Hà Phương D, sinh ngày 17/02/2010 và Hà Mỹ D1, sinh ngày 18/8/2013. Nguyên vọng của chị Tr là được trực tiếp nuôi dưỡng cả con chung, chị Tr chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Tr chưa yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định của luật tố tụng dân sự Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại Tòa án và không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Xa Thị Tr trình bày quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn D và được trực tiếp nuôi hai con chung và bổ sung yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Hà Mỹ D1 mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Chị Tr chưa yêu cầu chia tài sản. Về nợ chung: Chị Tr bổ sung nội dung là anh D có đứng tên vay Ngân hàng CSXH huyện Đà Bắc tổng số tiền là 77.000.000đ, đã trả 40.000.000đ. Khi anh D vay thì chị Tr không biết, do đó trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Tr không kê khai, chỉ khi ngân hàng có liên hệ, yêu cầu trả món nợ đã quá hạn thì chị Tr mới biết. Tuy nhiên chị Tr thừa nhận số tiền sử dụng vào mục đích gia đình như mua trâu, làm nhà, nước sạch là do anh D vay mà có và chị Tr đồng ý trả nợ ngân hàng với số tiền còn nợ là 37.000.000đ.

- Ý kiến của đại diện Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện Đà Bắc: Anh Hà Văn D có đứng tên vay tiền trong 3 hợp đồng với tổng số tiền là 77.000.000đ, bao gồm:

Hợp đồng thứ nhất: Vay 40.000.000đ, mục đích sử dụng vay tiêu dùng, mua tài sản cho gia đình. Đã tất toán xong.

Hợp đồng thứ 2: Vay 25.000.000đ, mục đích vay hộ nghèo làm nhà, chưa đến hạn trả.

Hợp đồng thứ 3: Vay 12.000.000đ, mục đích vay xây dựng hệ thống nước sạch, chưa đến hạn trả.

Ngân hàng không đồng ý với ý kiến của chị Tr khi cho rằng không biết việc anh D vay tiền ngân hàng, bởi đối tượng được vay đều là các hộ gia đình do một người có đầy đủ năng lực thay mặt hộ gia đình làm các thủ tục với ngân hàng, mặt khác ngân hàng đều có sự kiểm tra, giám sát mục đích sử dụng vốn vay của các hộ vay sau khi đã giải ngân. Tuy nhiên Ngân hàng đồng ý với ý kiến của chị Tr khi nhận trách nhiệm trả nợ đối với số tiền còn lại là 37.000.000đ và lãi phát sinh cho ngân hàng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng về tổng đạt các giấy tờ, tài liệu, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và niêm

yết công khai. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng về xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật TTDS; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Xa Thị Tr là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung của chị Tr, giao hai con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Hà Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Hà Mỹ D1 theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ đối với con cái thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Do chị Tr chưa yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xã TP, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

Về quyền, nghĩa vụ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa án, do đó không có lời khai và Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các tài liệu, giấy tờ theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật TTDS nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật TTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật TTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Xa Thị Tr và anh Hà Văn D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐC, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình từ năm 2009. Do đó hôn nhân của chị Tr, anh D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến

năm 2016, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn xảy ra cãi cọ nhau, đến năm 2019 thì anh, chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Qua xác minh thấy rằng vợ chồng chị Tr, anh D có mâu thuẫn đã lâu, tình trạng hôn nhân như chị Tr đã trình bày là có căn cứ. Chị Tr khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn, anh D có biết nhưng không hợp tác, không có thiện ý níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh D không có trách nhiệm gì đối với vợ, con, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Xa Thị Tr đối với anh Hà Văn D là có căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con cái: Vợ chồng chị Tr, anh D có hai con chung là Hà Phương D, sinh ngày 17/02/2010 và Hà Mỹ D1, sinh ngày 18/8/2013. Nguyên vọng của chị Tr là được trực tiếp nuôi dưỡng cả con chung, chị Tr yêu cầu anh D cấp dưỡng cho cháu Hà Mỹ D1 mỗi tháng 2.000.000đ. Do anh D không có mặt tại Tòa án nên không có lời khai, không thể hiện được ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời xét yêu cầu của chị Tr và nguyện vọng của các cháu Hà Phương D và Hà Mỹ D1 là được sống chung với mẹ, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung của chị Tr là phù hợp và có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận. Tuy nhiên về mức yêu cầu cấp dưỡng cho cháu D1 2.000.000đ/tháng là cao, chưa phù hợp với mặt bằng chung của địa phương miền núi, Hội đồng xét xử xét thấy buộc anh D cấp dưỡng cho cháu D1 mức 1.500.000đ/tháng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Tr chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về công nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Xa Thị Tr về việc nhận trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Đà Bắc 37.000.000đ tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi hoàn thành việc trả nợ.

[6] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Xa Thị Tr đối với anh Hà Văn D. Xử cho chị Xa Thị Tr được ly hôn anh Hà Văn D.

Về con chung: Giao hai con chung là Hà Phương D, sinh ngày 17/02/2010 và Hà Mỹ D1, sinh ngày 18/8/2013 cho chị Xa Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có quy định khác của pháp luật. Anh Hà Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Hà Mỹ D1 mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi pháp luật có quy định khác, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 01/5/2021. Anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này. Khi có thay đổi, anh D và chị Tr có quyền yêu cầu thay đổi quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Chị Xa Thị Tr có nghĩa vụ trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đà Bắc số tiền nợ gốc là 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng) và lãi phát sinh cho đến khi hoàn thành việc trả nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Xa Thị Tr phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0003368 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

Anh Hà Văn D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS Đà Bắc;
- Các đương sự;
- UBND xã TP;
- UBND xã ĐC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Xa Kỳ Tiến.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

